

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 02 - 2021
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm.

2. Ông Phan Tấn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 708/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1994. (Có đơn xin vắng mặt).

Cư trú: Khu dân cư PH, ấp HT, xã PH1, huyện P, tỉnh An Giang.

+ Bị đơn: Ông Trần Thanh N, sinh năm 1990. (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H trình bày: Bà và ông N chung sống với nhau vào năm 2012, có làm đám cưới, có đăng ký kết hôn; hôn nhân do tự tìm hiểu. Vợ chồng chung sống đến 2014 năm thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống từ 2014 cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi và bà H bỏ về nhà mẹ ruột cho đến nay vợ,

chồng không hàn gắn và gia đình hai bên gia đình không hàn gắn. Nay nhận thấy tình cảm không còn tôi xin ly hôn với ông Trần Thanh N.

- *Về quan hệ con chung*: Không có.
- *Về quan hệ tài sản chung*: Không có.
- *Về quan hệ nợ chung*: Không có.

Bị đơn ông Trần Thanh N đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N không gửi văn bản cũng như không tham gia các phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông N về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị Bích H khởi kiện xin ly hôn ông Trần Thanh N. Ông N có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Bích H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trần Thanh N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Thanh N là có căn cứ.

[2] *Về nội dung vụ án*: Bà Nguyễn Thị Bích H và ông Trần Thanh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang ngày 15/10/2012 theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bích H, sau khi kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi và bà H bỏ về nhà mẹ ruột cho đến nay, chồng và gia đình hai bên gia đình hai bên không hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho bà H và ông N; nhưng ông N đều vắng mặt, xem như đã tự từ bỏ quyền của mình nên Tòa án không hòa giải được, thể hiện ông N không có thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa ông bà. Do đó, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc bà H yêu cầu ly hôn với ông N phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

- *Về quan hệ con chung*: Bà N trình bày không có con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xét đến. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] *Về án phí dân sự*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.
- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích H.
- 1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Bích H được ly hôn với ông Trần Thanh N.
- 2. *Về quan hệ con chung*: Không có
- 3. *Về quan hệ tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- 4. *Về quan hệ nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Bích H trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà H và ông N trong thời kỳ hôn nhân thì bà H và ông N vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.
- 5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0008979 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị Bích H và ông Trần Thanh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Thanh